

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Thanh Sáng

2. Ông Nguyễn Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diệu K** - Sinh năm: 1986; Địa chỉ: **ấp P**, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông **Đặng Tuấn A** - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: **ấp V**, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tất cả vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu K trình bày:

Vào năm 2008, bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Đặng Tuấn A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang ngày 20/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Từ tháng 6 năm 2010, bà K và ông A đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A. Bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng giữa vợ chồng. Bà và ông A không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do nhà ở xa và bận công việc gia đình không có thời gian đi lại nên bà K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về phía bị đơn ông Đặng Tuấn A:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông A vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Ông A cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn là ông Đặng Tuấn A vắng mặt không lý do. Phía bà Nguyễn Thị Diệu K cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà K và ông A theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diệu K và ông Đặng Tuấn A tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang vào ngày 20/6/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà K và ông A sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà K xác định là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản làm việc ngày 29/3/2019 gia đình và địa phương đều xác nhận là sau khi kết hôn vài năm thì ông A và bà K có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân, ông bà không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện sự không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Hôn nhân của bà K và ông A đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông A là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Bà K xác định giữa bà và ông A không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diệu K phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Diệu K đối với ông Đặng Tuấn A. Bà Nguyễn Thị Diệu K không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diệu K xác định bà và ông Đặng Tuấn A không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diệu K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020393 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Thanh